

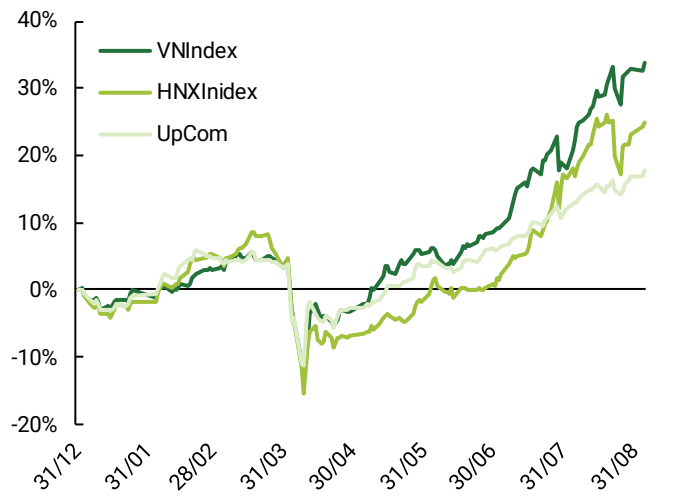
**VN-Index** **1696.29 (0.89%)**  
1478 Tr. cổ phiếu 40254.8 Tỷ VND (6.88%)

**HNX-Index** **283.99 (0.46%)**  
114 Tr. cổ phiếu 2812.5 Tỷ VND (-5.01%)

**UPCOM-Index** **111.85 (0.72%)**  
77 Tr. cổ phiếu 1144.1 Tỷ VND (21.52%)

**VN30F1M** **1883.10 (1.51%)**  
273,849 HD OI: 47,948 HD

**% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số**



**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

- **Diễn biến:** Lực cầu trở lại cuối phiên giúp chỉ số đóng cửa trong sắc xanh, áp sát mốc tâm lý 1700 điểm. Về diễn biến thương mại, hôm 3/9, Tổng thống Donald Trump ẩn ý thỏa thuận thương mại với các nền kinh tế như Nhật Bản, Hàn Quốc và Liên minh châu Âu sẽ bị hủy bỏ nếu hệ thống toà án Mỹ phán quyết rằng chính sách thuế quan toàn cầu của ông là bất hợp pháp. Vị tổng thống nhấn mạnh thuế quan đã đem lại lợi thế để Nhà Trắng lập thỏa thuận với các đối tác lớn, giúp Mỹ nâng thuế nhập khẩu với hàng hóa của các nền kinh tế này mà không bị trả đũa.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Thanh khoản tăng so với phiên trước nhưng vẫn dưới mức bình quân 20 phiên. Độ rộng thị trường nghiêng về phía mua. Dòng tiền tiếp tục luân chuyển tốt. Nhóm Thép hút tiền với giao dịch phần khởi ở HPG, NKG, HSG... Bên cạnh nhóm Bất động sản, Ngân hàng phục hồi cũng góp thêm lực đẩy. Chiều tăng nổi bật còn ghi nhận ở nhóm Chứng khoán (HCM, SSI...), Công nghệ (FPT..), Bán lẻ (MWG, DGW...). Ở chiều ngược lại, sắc đỏ hạn chế, quan sát ở nhóm Dầu khí (BSR..), Hàng không (VJC,...). Về mặt tác động điểm số, giữ vai trò động lực là lực kéo từ VCB, HPG, VPB, FPT, trong khi đã giảm từ VHM, MBB, VJC, SHB đã kìm hãm. Khối ngoại thu hẹp bán ròng còn hơn 750 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VPB (hơn 350 tỷ), VHM (hơn 200 tỷ), MSN (hơn 150 tỷ).

**GÓC NHÌN KỸ THUẬT**

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nền Hammer, cho thấy lực cầu bắt đầu tham gia quyết đoán hơn, tuy có điểm trừ là thanh khoản chưa thật sự bùng nổ. Chỉ báo MACD, RSI cải thiện nhưng chưa rõ ràng để xác nhận thoát khỏi nhịp điều chỉnh. Do vậy, vận động có thể còn rung lắc trong phiên mang tính củng cố trước khi bút phá ngưỡng tâm lý 1700 điểm. Hỗ trợ duy trì xu hướng được nâng lên mức 1645 điểm. Nếu giao dịch giữ được trên ngưỡng này nhìn chung ổn định. Trường hợp xác nhận vượt hẳn khu vực 1700 có thể mở mục tiêu tiếp theo hướng tới mốc 1750 điểm. Ngược lại, nếu chỉ số thoái lui thấp hơn ngưỡng 1645, áp lực giảm sẽ chi phối trở lại với khả năng tìm về mức 1600 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số giữ sắc xanh nhưng lực cung bắt đầu chi phối hơn trong chiều đi lên với việc giá kết phiên bằng mẫu hình nền sao rơi. Vận động nhìn chung vẫn được củng cố và có thể xác lập lại vùng dao động quanh 280 – 286 điểm.
- **Chiến lược chung:** Tập trung vào những mã mang tính dẫn dắt ngành. Ở chiều mua mới có thể cân nhắc với những cổ phiếu xác nhận thoát khỏi pha điều chỉnh. Các nhóm ưu tiên chú ý: Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán, Đầu tư công, Tiện ích (Điện).

**CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ**

Mua CEO (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số                      | Giá đóng cửa | % Thay đổi |        |        | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với |                    |                     | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với |                    |                     |
|-----------------------------|--------------|------------|--------|--------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|---|--------------------|---------------------|
|                             |              | (%) 1D     | (%) 1W | (%) 1M |                            | 01 phiên trước                       | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |                                 | 01 phiên trước                          | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| <b>Theo chỉ số</b>          |              |            |        |        |                            |                                      |                    |                     |                                 |   |                    |                     |
| VN-Index                    | 1,696.3      | 0.9%       | 0.9%   | 11.0%  | 40,254.8                   | 6.9%                                 | 16.7%              | -5.6%               | 1,477.8                         | 7.2%                                    | 23.9%              | 7.3%                |
| HNX-Index                   | 284.0        | 0.5%       | 2.7%   | 5.8%   | 2,812.5                    | -5.0%                                | 21.6%              | -13.9%              | 114.4                           | -5.7%                                   | 12.4%              | -30.0%              |
| UPCOM-Index                 | 111.9        | 0.7%       | 1.1%   | 4.4%   | 1,144.1                    | 21.5%                                | 6.9%               | -6.3%               | 77.2                            | 18.2%                                   | 23.2%              | -14.3%              |
| VN30                        | 1,883.6      | 1.3%       | 1.2%   | 13.9%  | 20,764.2                   | 5.2%                                 | 13.0%              | -16.9%              | 569.3                           | 1.8%                                    | 3.7%               | -0.4%               |
| VNMID                       | 2,632.6      | 0.9%       | 2.5%   | 11.8%  | 15,707.7                   | 8.5%                                 | 14.9%              | 22.6%               | 589.3                           | 9.5%                                    | 19.2%              | 18.1%               |
| VNSML                       | 1,644.3      | 0.5%       | 2.3%   | 3.3%   | 2,543.3                    | 19.2%                                | 47.1%              | -16.2%              | 164.7                           | 17.7%                                   | 54.5%              | -13.2%              |
| <b>Theo ngành (VNINdex)</b> |              |            |        |        |                            |                                      |                    |                     |                                 |   |                    |                     |
| Ngân hàng                   | 707.6        | 1.0%       | 1.0%   | 20.7%  | 11,470.7                   | 4.0%                                 | 52.0%              | -22.3%              | 429.3                           | 7.7%                                    | 55.4%              | -20.7%              |
| Bất động sản                | 525.6        | 0.0%       | -1.6%  | 15.4%  | 5,851.5                    | -7.8%                                | 83.0%              | -19.2%              | 227.2                           | -11.6%                                  | 78.5%              | -20.3%              |
| Dịch vụ tài chính           | 405.6        | 1.0%       | 5.1%   | 22.0%  | 5,502.6                    | -9.6%                                | 14.3%              | -27.9%              | 178.3                           | -9.4%                                   | 17.5%              | -33.2%              |
| Công nghiệp                 | 259.6        | 0.3%       | 0.9%   | 2.7%   | 1,592.6                    | 42.7%                                | 83.4%              | -31.7%              | 39.3                            | 44.0%                                   | 98.5%              | -31.7%              |
| Tài nguyên cơ bản           | 588.7        | 5.5%       | 5.0%   | 10.5%  | 5,548.6                    | 20.9%                                | 196.1%             | 76.7%               | 220.1                           | 17.5%                                   | 189.8%             | 66.7%               |
| Xây dựng - Vật Liệu         | 200.6        | 0.4%       | 1.2%   | -2.6%  | 1,821.3                    | -1.6%                                | 60.5%              | -35.1%              | 85.1                            | -2.1%                                   | 61.7%              | -35.1%              |
| Thực phẩm                   | 562.2        | 1.1%       | 1.0%   | 5.2%   | 2,249.3                    | 24.4%                                | 87.2%              | -24.5%              | 53.0                            | 20.7%                                   | 43.9%              | -40.0%              |
| Bán Lẻ                      | 1,422.9      | 1.9%       | 0.7%   | 8.5%   | 1,233.5                    | 30.7%                                | 82.5%              | -0.5%               | 18.3                            | 27.2%                                   | 81.1%              | -7.5%               |
| Công nghệ                   | 556.3        | 1.6%       | -1.4%  | -2.7%  | 1,706.8                    | 28.8%                                | 147.9%             | 26.7%               | 19.1                            | 0.1%                                    | 117.9%             | 4.0%                |
| Hóa chất                    | 179.0        | 0.8%       | 0.5%   | 0.7%   | 697.0                      | 10.8%                                | 92.5%              | -42.5%              | 20.3                            | 11.7%                                   | 103.4%             | -36.6%              |
| Tiện ích                    | 685.3        | 0.55%      | -0.8%  | 2.0%   | 636.1                      | 78.0%                                | 169.3%             | 11.3%               | 32.7                            | 102.2%                                  | 204.2%             | 19.6%               |
| Dầu khí                     | 77.1         | -0.2%      | 2.7%   | 19.7%  | 537.3                      | -7.8%                                | 79.1%              | -35.5%              | 20.6                            | -8.0%                                   | 81.8%              | -37.3%              |
| Dược phẩm                   | 427.4        | 0.4%       | 1.7%   | 0.6%   | 64.0                       | 63.4%                                | 176.4%             | -3.8%               | 4.6                             | 121.1%                                  | 188.6%             | -1.8%               |
| Bảo hiểm                    | 99.5         | 2.9%       | -1.1%  | 16.6%  | 80.5                       | 55.9%                                | 95.0%              | -28.9%              | 2.1                             | 57.0%                                   | 104.2%             | -28.5%              |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,696.3      | 0.9%           | 33.9%  | 16.2x           | 2.1x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,253        | -0.5%          | -10.5% | 14.5x           | 1.2x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 7,867        | -0.2%          | 11.1%  | 17.5x           | 2.1x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 11,715       | -0.1%          | -6.9%  | 15.5x           | 1.3x |
| PSEi Index          | Phillipines | 6,107        | 0.4%           | -6.5%  | 10.4x           | 1.3x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,766        | -1.3%          | 12.4%  | 18.6x           | 0.0x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 25,059       | -1.1%          | 24.9%  | 12.3x           | 1.3x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 42,580       | 1.5%           | 6.7%   | 19.6x           | 2.2x |
| S&P 500             | Mỹ          | 6,448        | 0.5%           | 9.6%   | 26.8x           | 5.3x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 45,271       | -0.1%          | 6.4%   | 23.9x           | 5.6x |
| FTSE 100            | Anh         | 9,194        | 0.17%          | 12.5%  | 14.0x           | 2.1x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 5,338        | 0.2%           | 9.0%   | 16.5x           | 2.2x |
| DXY                 |             | 98           | -0.14%         | -9.4%  |                 |      |
| USDVND              |             | 26,387       | 0.00%          | 3.5%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

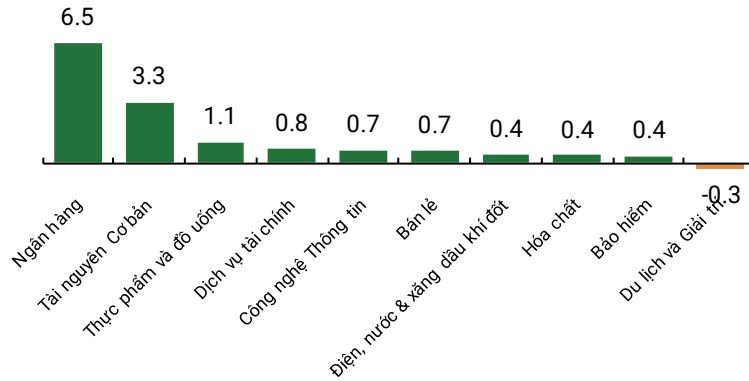
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|----------------|--------|--------|--------|
|                           | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | -1.2%          | -2.8%  | -10.5% | -8.1%  |
| Dầu WTI                   | -4.01%         | -5.0%  | -12.2% | -9.0%  |
| Khí gas                   | 3.5%           | 6.2%   | -14.3% | 45.1%  |
| Than cốc (*)              | 0.0%           | 7.2%   | -7.5%  | -8.0%  |
| Thép HRC (*)              | -0.2%          | -1.4%  | -2.2%  | 8.5%   |
| PVC (*)                   | -1.4%          | -4.9%  | -5.1%  | -12.8% |
| Phân Urea (*)             | 0.0%           | 0.5%   | 37.2%  | 49.6%  |
| Cao su thiên nhiên        | 0.4%           | 5.4%   | -11.3% | -0.2%  |
| Bông Cotton               | 0.3%           | 0.3%   | -5.3%  | -7.3%  |
| Đường                     | -1.4%          | -2.0%  | -17.3% | -17.3% |
| World Container Index     | -0.7%          | -15.8% | -44.7% | -59.4% |
| Baltic Dirty tanker Index | 0.5%           | 8.6%   | 13.1%  | 21.3%  |
| Vàng                      | 0.2%           | 4.9%   | 34.9%  | 41.8%  |
| Bạc                       | 0.1%           | 9.4%   | 41.5%  | 44.7%  |

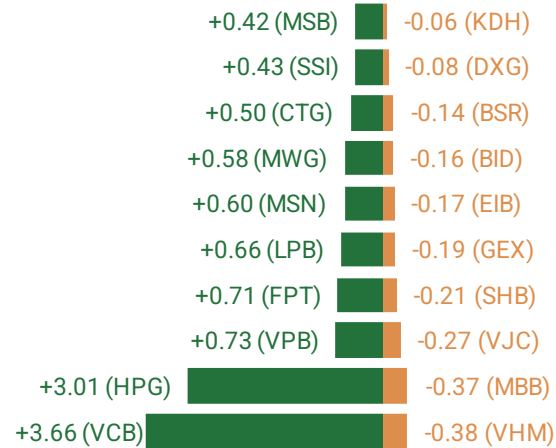
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

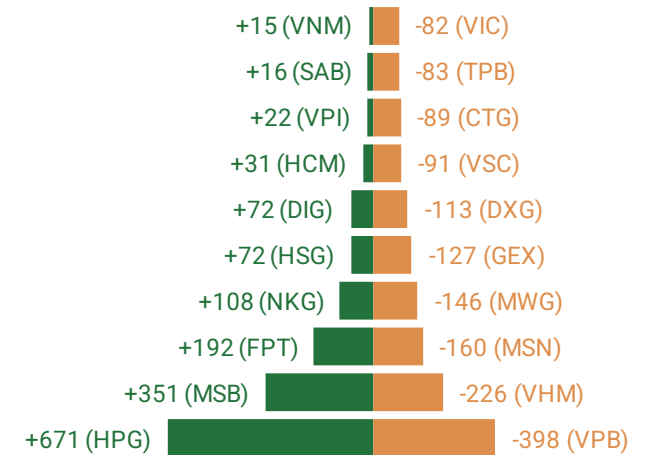
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



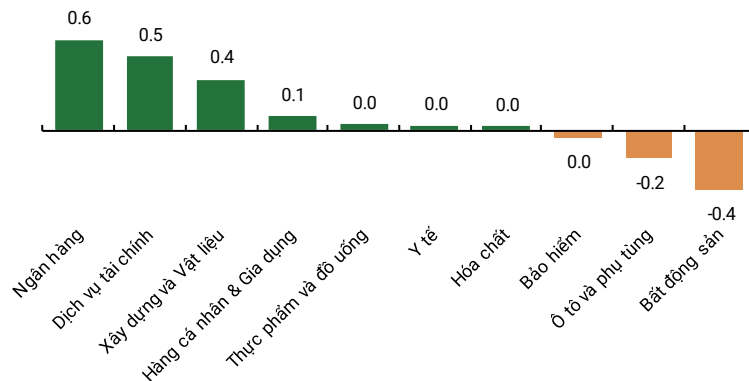
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



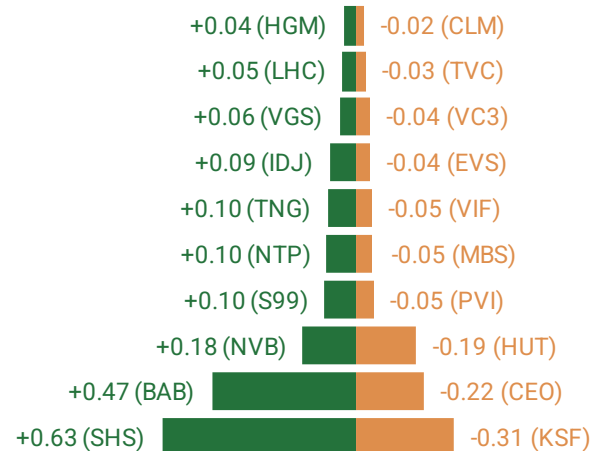
### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



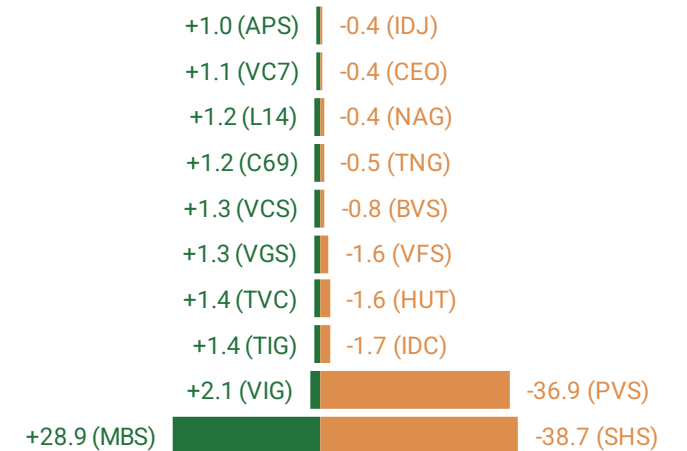
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



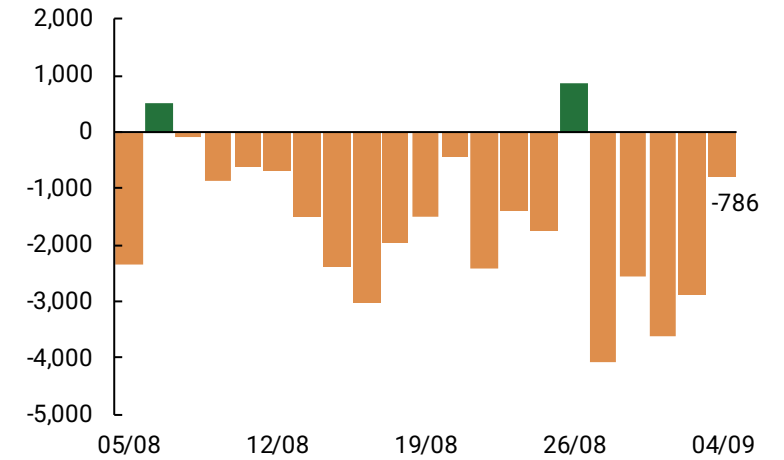
|         | HPG   | SHB   | VPB   | SSI   | FPT   |
|---------|-------|-------|-------|-------|-------|
| %DoD    | 6.0%  | -1.0% | 1.2%  | 2.3%  | 1.7%  |
| Giá trị | 4,127 | 1,696 | 1,536 | 1,391 | 1,157 |

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



|         | FPT  | MSB  | SHB   | EIB   | VHM   |
|---------|------|------|-------|-------|-------|
| %DoD    | 1.7% | 3.9% | -1.0% | -1.3% | -0.4% |
| Giá trị | 489  | 396  | 220   | 137   | 135   |

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



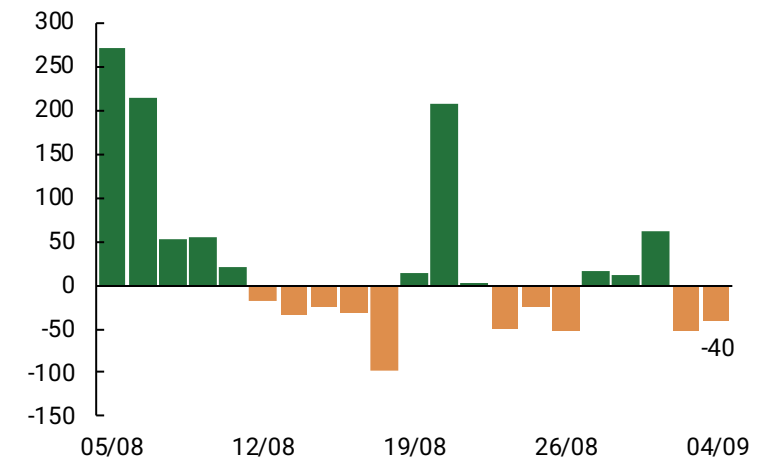
|         | MBS   | SHS  | CEO   | PVS  | VGS  |
|---------|-------|------|-------|------|------|
| %DoD    | -0.7% | 1.7% | -1.1% | 0.0% | 4.5% |
| Giá trị | 608   | 594  | 463   | 185  | 116  |

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



|         | HUT   | IDC  | LDP  | NAG   | CEO   |
|---------|-------|------|------|-------|-------|
| %DoD    | -1.6% | 0.0% | 1.4% | -1.4% | -1.1% |
| Giá trị | 69    | 52   | 3    | 2     | 2     |

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer, vol tăng nhưng vẫn ở mức thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1590 – 1615.
- ✓ Kháng cự: 1680 - 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định ngưỡng 1700.

**Kịch bản:** VN-Index tăng điểm và áp sát ngưỡng tâm lý 1700 điểm. Dù vậy, thanh khoản chưa thật sự bùng nổ cho thấy giao dịch lưỡng lự vẫn còn chi phối. **Rung lắc có thể trở lại khi chỉ số tiếp cận mốc 1700 điểm.** Nếu xác nhận vượt hẳn và củng cố dao động trên đây, mục tiêu kháng cự tiếp theo là ngưỡng 1750 điểm. Hỗ trợ duy trì xu hướng hiện được nâng lên mức 1645 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer, vol tăng nhưng vẫn ở mức thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1880 - 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định ngưỡng 1900.

➔ VN30 giảm co trong phiên nhưng đã đóng cửa khởi sắc. Hoạt động luân chuyển ở nhóm vốn hóa lớn giúp điều tiết chỉ số. **Giao dịch khả năng vẫn còn rung lắc quanh khu vực 1855 - 1885 điểm nhằm tạo thêm đà bứt phá ngưỡng 1900 điểm.** Hỗ trợ duy trì động lượng được nâng lên mức 1840 điểm.

| STOCK           |                                   | STRATEGY   | Technical            |             | Financial Ratio         |            |       |
|-----------------|-----------------------------------|------------|----------------------|-------------|-------------------------|------------|-------|
| <b>Ticker</b>   | <b>CEO</b>                        | <b>BUY</b> | <b>Current price</b> | <b>25.9</b> | <b>P/E (x)</b>          | 70.2       |       |
| <b>Exchange</b> | HNX                               |            | Action price (5/9)   | <b>25.9</b> | <b>P/B (x)</b>          | 2.4        |       |
| <b>Sector</b>   | Real Estate Holding & Development |            | <b>Target price</b>  | <b>30</b>   | <b>15.8%</b>            | <b>EPS</b> | 369.1 |
|                 |                                   |            | <b>Cut loss</b>      | <b>24</b>   | <b>-7.3%</b>            | <b>ROE</b> | 3.4%  |
|                 |                                   |            |                      |             | <b>Stock Rating</b>     | BBB        |       |
|                 |                                   |            |                      |             | <b>Scale Market Cap</b> | Medium     |       |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Nến bật tăng từ vùng hỗ trợ 25.
  - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
  - Chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu, khả năng cắt lên, trong khi RSI cũng tăng lên trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng phục hồi.
  - Các đường MA 20, 50, 100 ủng hộ xu hướng tăng trung hạn.
- ➔ Xu hướng tăng kỳ vọng tiếp tục và hướng tới mục tiêu cao hơn.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng điều chỉnh trong phiên.

**Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú              |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|----------------------|
| 1   | CEO   | Mua         | 05/09/2025       | 25.9         | 25.9          | 0.0%           | 30.0         | 15.8%      | 24         | -7.3%      | Kiểm định tốt hỗ trợ |

**Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị**

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1   | QTP   | Mua         | 19/08/2025       | -                         | 13.41        | 13.3          | 0.9%           | 14.5         | 9.1%       | 12.8       | -3.7%      |         |
| 2   | OCB   | Mua         | 21/08/2025       | -                         | 14.15        | 13.65         | 3.7%           | 16           | 17.2%      | 12.6       | -7.7%      |         |
| 3   | VRE   | Mua         | 22/08/2025       | -                         | 30.30        | 30.40         | -0.3%          | 34           | 11.8%      | 28.4       | -7%        |         |
| 4   | VCB   | Mua         | 27/08/2025       | -                         | 68.90        | 64.6          | 6.7%           | 72           | 11.5%      | 60.5       | -6%        |         |
| 5   | MWG   | Mua         | 27/08/2025       | -                         | 77.50        | 73.6          | 5.3%           | 82           | 11.4%      | 68         | -8%        |         |
| 6   | GMD   | Mua         | 28/08/2025       | -                         | 68.50        | 66            | 3.8%           | 76           | 15%        | 60         | -9%        |         |
| 7   | BVH   | Mua         | 29/08/2025       | -                         | 60.50        | 60.5          | 0.0%           | 70           | 15.7%      | 55         | -9%        |         |
| 8   | NT2   | Mua         | 03/09/2025       | -                         | 22.65        | 22.3          | 1.6%           | 26           | 17%        | 20.5       | -8%        |         |
| 9   | VNM   | Mua         | 04/09/2025       | -                         | 61.80        | 61.5          | 0.5%           | 68           | 10.6%      | 58.5       | -5%        |         |





### Tín hiệu kỹ thuật

- **Ở đồ thị 15 phút**, hợp đồng VN30F2509 điều chỉnh trong phiên sáng nhưng đã nhanh chóng phục hồi khi tiếp cận hỗ trợ 1845. Giao dịch khởi sắc hơn trong phiên chiều với phe Long chiếm ưu thế hoàn toàn và giá kết phiên khá phấn khởi.
- Chỉ báo RSI đang tiếp cận vùng quá mua có thể làm chậm lại vận động. Thêm vào đó, giá vừa bứt phá khỏi vùng đỉnh 1878 – 1880 sẽ có quán tính thoái lui kiểm định trở lại. Theo dõi thêm tín hiệu trong quá trình hạ nhiệt.
- Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố trên vùng đỉnh cũ 1878, hoặc có thể chờ nếu tín hiệu điều chỉnh sâu hơn về ngưỡng 1865. Vị thế Short hạn chế, tham gia khi giá xác nhận đảo chiều, ứng với việc lùi về dưới ngưỡng 1860.

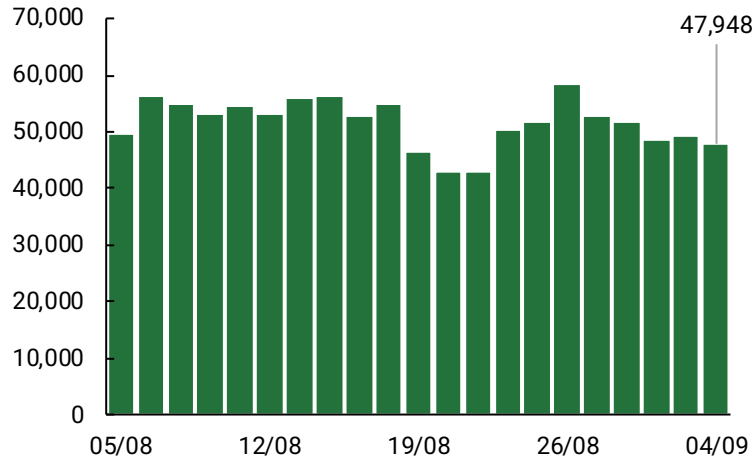
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/<br>Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|----------------------|
| Long   | > 1.878  | 1.894    | 1.872  | 16 : 6               |
| Long   | > 1.866  | 1.880    | 1.860  | 14 : 6               |
| Short  | < 1.858  | 1.844    | 1.864  | 14 : 6               |

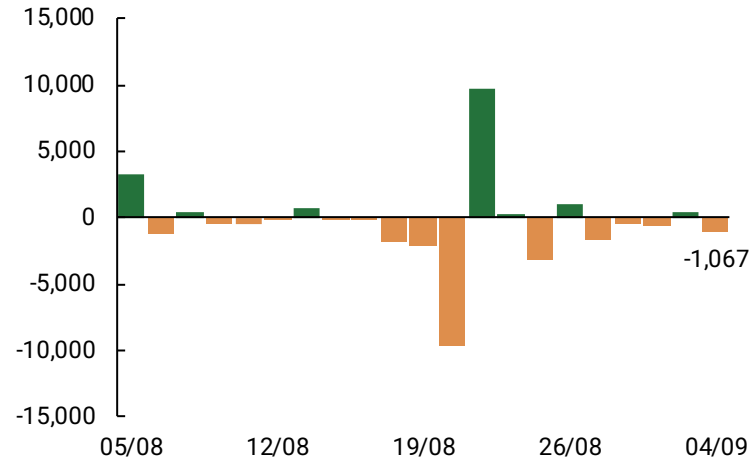
### Thống kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| VN30 Index  | 1,883.6      | 24.0            |              |        |               |            |                 |                         |
| VN30F2509   | 1,883.1      | 28.1            | 273,849      | 47,948 | 1,884.2       | -1.1       | 18/09/2025      | 14                      |
| 4111G3000   | 1,848.5      | 20.5            | 78           | 223    | 1,892.3       | -43.8      | 19/03/2026      | 196                     |
| 4111FA000   | 1,875.5      | 23.5            | 1,268        | 1,450  | 1,885.5       | -10.0      | 16/10/2025      | 42                      |
| VN30F2512   | 1,854.2      | 14.7            | 176          | 673    | 1,888.3       | -34.1      | 18/12/2025      | 105                     |

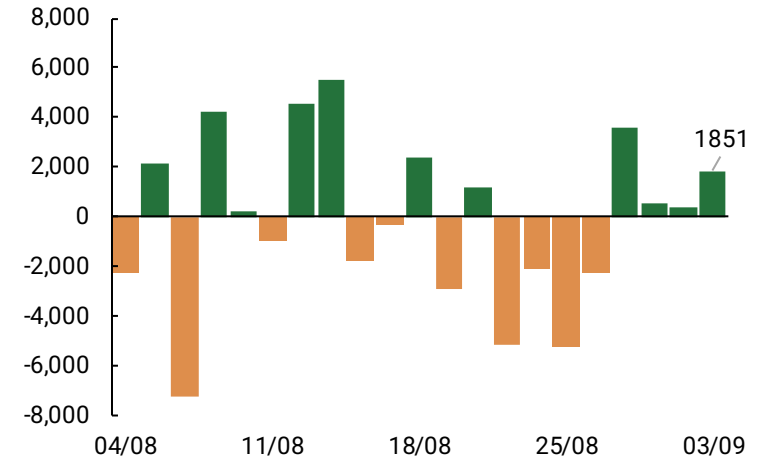
### Khối lượng mở (Open interest)



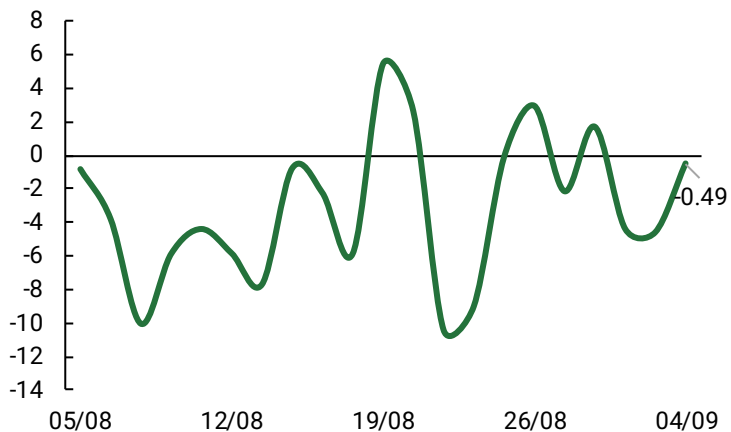
### Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



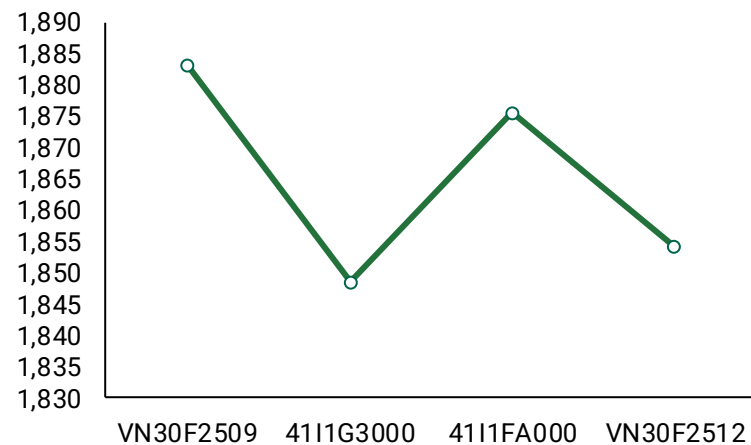
### Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



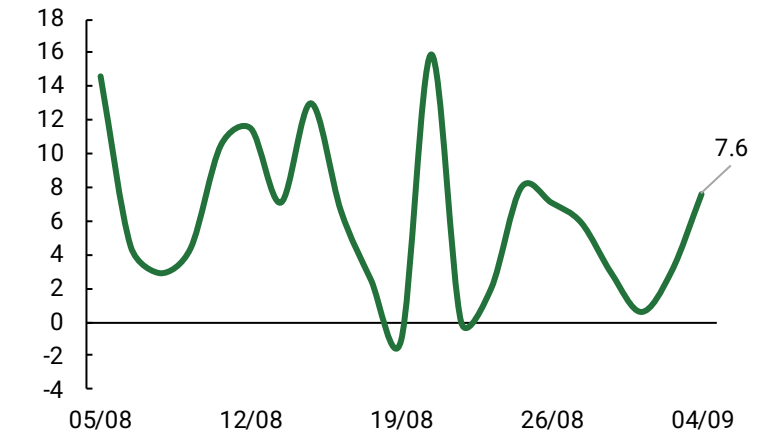
### Basis hợp đồng tương lai



### Đường cong hợp đồng tương lai



### VN30F1M – VN30F2M



| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| AST   | 69,000  | 67,900       | -1.6%               | Giảm tỷ trọng |
| CTI   | 25,250  | 27,200       | 7.7%                | Nắm giữ       |
| DBD   | 53,300  | 68,000       | 27.6%               | Mua           |
| DDV   | 31,075  | 35,500       | 14.2%               | Tăng tỷ trọng |
| DGC   | 99,300  | 102,300      | 3.0%                | Nắm giữ       |
| DGW   | 44,000  | 48,000       | 9.1%                | Nắm giữ       |
| DPR   | 38,100  | 41,500       | 8.9%                | Nắm giữ       |
| DRI   | 11,987  | 18,000       | 50.2%               | Mua           |
| EVF   | 14,600  | 14,400       | -1.4%               | Giảm tỷ trọng |
| FRT   | 129,800 | 135,800      | 4.6%                | Nắm giữ       |
| GMD   | 68,500  | 68,100       | -0.6%               | Giảm tỷ trọng |
| HAH   | 58,200  | 67,600       | 16.2%               | Tăng tỷ trọng |
| HHV   | 15,600  | 12,600       | -19.2%              | Bán           |
| HPG   | 29,850  | 30,900       | 3.5%                | Nắm giữ       |
| IMP   | 54,700  | 55,000       | 0.5%                | Nắm giữ       |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MBB   | 28,250  | 22,700       | -19.6%              | Bán           |
| MSH   | 36,750  | 47,100       | 28.2%               | Mua           |
| MWG   | 77,500  | 68,400       | -11.7%              | Bán           |
| PHR   | 56,500  | 72,800       | 28.8%               | Mua           |
| PNJ   | 88,400  | 96,800       | 9.5%                | Nắm giữ       |
| PVT   | 18,350  | 18,900       | 3.0%                | Nắm giữ       |
| SAB   | 47,100  | 59,900       | 27.2%               | Mua           |
| TCB   | 39,600  | 36,650       | -7.4%               | Giảm tỷ trọng |
| TCM   | 30,400  | 38,400       | 26.3%               | Mua           |
| TRC   | 72,000  | 94,500       | 37.8%               | Mua           |
| VCG   | 26,400  | 26,200       | 6.7%                | Nắm giữ       |
| VHC   | 58,200  | 62,000       | 12.7%               | Tăng tỷ trọng |
| VNM   | 61,800  | 69,500       | 18.4%               | Tăng tỷ trọng |
| VSC   | 32,800  | 17,900       | -39.4%              | Bán           |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 02/09 Việt Nam & Mỹ – Chỉ số PMI
- 05/09 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp  
Việt Nam - FTSE công bố danh mục
- 06/09 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN tháng 8 và 8 tháng
- 10/09 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
- 11/09 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)  
Châu Âu – ECB họp báo
- 12/09 Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
- 18/09 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành  
Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 19/09 Việt Nam – Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục  
Nhật Bản – BOJ công bố lãi suất
- 25/09 Mỹ - Số cuối cùng GDP
- 26/09 Mỹ - Chỉ số PCE lõi
- 30/09 Trung Quốc – PMI sản xuất

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính nghiên cứu hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp:** Văn phòng Chính phủ vừa truyền đạt chỉ đạo của Thủ tướng Phạm Minh Chính xử lý phản ánh về nghĩa vụ tài chính khi chuyển mục đích sử dụng đất quá cao, ảnh hưởng đến sinh kế. Theo đó, Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng các bên liên quan nghiên cứu, đề xuất giải pháp sử dụng hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp, khả thi. Việc này phải báo cáo Thủ tướng trước ngày 10/9.

**Tỷ giá USD hôm nay (04/09) - Giá chợ đen lập đỉnh:** Tỷ giá trung tâm được NHNN tăng nhẹ 2 đồng, lên mức 25.248 VND/USD. Tỷ giá USD tại các ngân hàng sáng nay ghi nhận nhiều điều chỉnh tăng giá mua khi các nhà băng đã nâng lên từ 10 đến 40 đồng so với mức niêm yết hôm qua. Còn giá bán chủ yếu điều chỉnh theo ngưỡng cho phép của NHNN. Trên thị trường "chợ đen", khảo sát lúc sáng cho thấy đồng USD hiện được giao dịch tăng vọt lên mức 26.780 - 26.870 VND/USD, giá mua và giá bán tăng gần 300 đồng so với mức ghi nhận trước đó.

**Xuất khẩu cotton Mỹ sang Trung Quốc giảm 90%, sang Việt Nam tăng gấp 3 lần:** Theo dữ liệu từ LSEG, xuất khẩu bông từ Mỹ sang Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm nay giảm khoảng 90% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, xuất khẩu bông Mỹ sang các nước như Pakistan và Thổ Nhĩ Kỳ lại tăng, đặc biệt là sang Việt Nam, với lượng hàng gần như tăng gấp ba lần. Ngành may mặc Mỹ trong những năm gần đây đã chuyển dần đơn hàng gia công ra khỏi Trung Quốc, hướng sang các quốc gia Nam Á và Đông Nam Á – nơi có chi phí lao động thấp hơn, đặc biệt trong bối cảnh căng thẳng Mỹ - Trung leo thang và lo ngại về thuế quan.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**HPG - Hòa Phát ra lò mẻ gang đầu tiên từ lò cao số 2:** Tập đoàn Hòa Phát cho biết Lò cao số 2 thuộc Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 đã chính thức cho ra mẻ gang đầu tiên, đánh dấu việc hoàn thành phân kỳ 2 của dự án. Hòa Phát đang vận hành tổng cộng 6 lò cao với tổng công suất 12 triệu tấn/năm, trong đó có 9 triệu tấn thép cuộn cán nóng (HRC).

**VPBankS sắp IPO 375 triệu cp, nâng kế hoạch lợi nhuận 2025 lên gấp đôi:** ĐHĐCĐ VPBankS thông qua phương án IPO tối đa 375 triệu cp, tương ứng 25% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Sau thương vụ, VPBankS sẽ tăng vốn từ 15 ngàn tỷ đồng lên tối đa 18.75 ngàn tỷ đồng. Công ty dự kiến triển khai chào bán trong giai đoạn quý 3/2025 - quý 2/2026. Ngoài ra, đại hội bất thường cũng thông qua điều chỉnh tăng kế hoạch kinh doanh năm 2025, với tổng doanh thu gần 7.2 ngàn tỷ đồng và lãi trước thuế gần 4.5 ngàn tỷ đồng, lần lượt tăng 58% và 122% so với kế hoạch cũ.

**HDC - HODECO muốn hủy phương án chia cổ tức:** CTCP Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ tổ chức họp cổ đông bất thường vào ngày 30/09 tới, nhằm điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận. Theo đó, HODECO sẽ không hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để chi trả cổ tức. Doanh nghiệp cho biết việc hoàn nhập quỹ theo phương án ban đầu là chưa phù hợp quy định nên quyết định hủy bỏ kế hoạch này. Công ty cũng dự kiến hủy bỏ phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đi kèm với việc hoàn nhập quỹ.

**FMC - Doanh thu Sao Ta tăng 32% trong tháng 8:** CTCP Thực phẩm Sao Ta vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 8/2025 với doanh số đạt 40,16 triệu USD, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Luỹ kế 8 tháng, tổng doanh số tiêu thụ của doanh nghiệp ước đạt 214 triệu USD. Theo báo cáo, Sao Ta sản xuất được 2.888 tấn tôm thành phẩm, bằng 84% so với cùng kỳ năm ngoái; giảm nhẹ so với tháng 7 (3.545 tấn). Sản lượng tiêu thụ tôm thành phẩm đạt 11.452 tấn, tăng 37% so cùng kỳ. Doanh nghiệp cho biết hoạt động nuôi tôm đang tiến hành cải tạo, chuẩn bị sẵn điều kiện cho vụ nuôi mới khi thời tiết thuận lợi trở lại.

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415